

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HS-ST
Ngày 07 - 8 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Thế Chiến;

Bà Bùi Thị Thiềm.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Bảo Thụy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hồng Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Ana xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2020/TLST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2020/HSST-QĐ ngày 23/7/2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn G, sinh ngày 17 tháng 7 năm 1994 tại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Thôn 2, xã P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Thái; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Lò Thị Kim P; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: có 02 tiền án:

Ngày 10/5/2016 bị Tòa án bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án hình sự phúc thẩm số 52/2016/HSPT. Ngày 21/11/2017 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án hình sự phúc thẩm số 348/2017/HS-PT.

Tiền sự: có 01 tiền sự: Ngày 15/10/2015 bị Công an xã P, thành phố B xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản tại Quyết định xử phạt hành chính số 1771/QĐ-XPVPHC;

Bị bắt tạm giam từ ngày 03/8/2020 đến nay. Có mặt.

- Bị hại: Anh Đào Trọng T, sinh ngày 16/6/2003. Vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm 3, thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật của anh Đào Trọng T:

Ông Đào Trọng Đ, sinh năm 1976 và bà Phạm Thị Thu H, sinh năm 1982 (Là bố, mẹ của anh T). Ông Đ và bà H vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm 3, thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người làm chứng:

1. Ông Đào Trọng Đ, sinh năm 1976. Vắng mặt.

2. Bà Phạm Thị Thu H, sinh năm 1982. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Xóm 3, thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

3. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số nhà 161, thôn 2, xã P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 45 phút, ngày 14/02/2020 Nguyễn Văn G điều khiển xe máy biển số đăng ký 47B1-121.20 (xe mượn của chị Nguyễn Thị H) hướng từ huyện K lên thành phố B với mục đích tìm nhà nào sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đi qua nhà ông Đào Trọng Đ ở thôn T, xã E, huyện K thấy cửa nhà ông Đ mở G dựng xe máy trước cổng rồi đi vào phòng khách, thấy anh Đào Trọng T (là con ông Đ) đang nằm ngủ trên phản gỗ, G vào phòng ngủ phía sau nhà lục tìm tài sản nhưng không lấy được gì, khi quay ra G phát hiện 01 chiếc điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Nokia đang sạc pin để trên tủ lạnh ngay lối vào, G lấy bỏ vào túi quần rồi đi lên phòng khách. Lúc này, anh T tỉnh dậy thì G giả vờ hỏi đường ra thành phố B. Sau khi anh T chỉ đường G đi ra cổng lấy xe máy đi về hướng thành phố B, còn anh T vào phòng ngủ thấy điện thoại bị mất nên báo cho ông Đ biết. Lúc này ông Đ đang ở thôn Q, xã E, huyện K chạy ra đường tỉnh lộ 2 chặn G lại và báo cho Công an xã E, huyện K đến giải quyết.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã thu giữ tang vật, gồm: 01 điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Nokia; 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha, biển số đăng ký 47B1-121.20.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 07/KLĐG ngày 11/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện K, kết luận: 01 điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Nokia, có giá trị 160.000 đồng (*một trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Cáo trạng số 20/CT-VKS-HS ngày 23/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo Nguyễn Văn G về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K giữ nguyên nội dung

bản cáo trạng, đồng thời phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi nguy hiểm của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn G phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 173, các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn G từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả lại 01 điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Nokia cho anh Đào Trọng T, 01 xe máy biển số đăng ký 47B1-121.20 cho chị Nguyễn Thị H.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Đào Trọng T đã nhận lại tài sản bị trộm cắp, anh T và người đại diện theo pháp luật của anh T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không đề cập xử lý.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với vật chứng của vụ án thu giữ được, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 17 giờ 45 phút, ngày 14/02/2020 bị cáo Nguyễn Văn G đã lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản là 01 điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Nokia của anh Đào Trọng T ở thôn T, xã E, huyện K, trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là 160.000 đồng.

Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có 02 tiền án và 01 tiền sự cùng về tội Trộm cắp tài sản, ngày 15/10/2015 bị Công an xã P, thành phố B xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản tại Quyết định số 1771/QĐ-XPVPHC; ngày 10/5/2016 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án hình sự phúc thẩm số 52/2016/HSPT; ngày 21/11/2017 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt

02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án hình sự phúc thẩm số 348/2017/HS-PT. Bị cáo không lấy đó làm bài học để tu sửa bản thân, làm người lương thiện mà tiếp tục phạm tội, thể hiện bị cáo là người khó cải tạo, khó giáo dục, bị cáo đã thành niên, có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm.

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm”

[4] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại, đồng thời còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có thể lực và trí lực bình thường, buộc phải biết tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm bất hợp pháp đều bị pháp luật nghiêm trị, nhưng do xuất phát từ động cơ tham lam tư lợi cá nhân nên bị cáo đã phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp nên phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình gây ra.

[5] Về tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả lại 01 điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Nokia cho anh Đào Trọng T, 01 xe máy biển số đăng ký 47B1-121.20 cho chị Nguyễn Thị H, tại Quyết định xử lý vật chứng số: 09/QĐ-ĐTTH ngày 01/6/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện K.

[7] Đối với chị Nguyễn Thị H là chủ xe máy biển số đăng ký 47B1-121.20 cho bị cáo Nguyễn Văn G mượn đi, sau đó G đã sử dụng làm phương tiện đi

trộm cắp tài sản, chị H không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K không đề cập xử lý là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Đào Trọng T đã nhận lại tài sản bị trộm cắp, anh T và người đại diện theo pháp luật của anh T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không đề cập giải quyết.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm a, b khoản 1 Điều 173, các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn G phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn G **06 (sáu)** tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 03/8/2020.

- Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn G phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người đại diện theo pháp luật của bị hại vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện K;
- CQCSĐTCA huyện K;
- Bị cáo;
- THAHS;
- Chi cục THADS huyện K;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Ngọc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Ngọc